

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HỒNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST  
Ngày 25-11-2019  
V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Văn Vũ Biên Cương.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Liếng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thị A, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trợ giúp viên pháp lý của nguyên đơn là bà Tăng Thị B, sinh năm 1961.

Địa chỉ cư trú: Khóm M, thị trấn H, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:**

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1965.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D là bà Nguyễn Thị C.

**- Người làm chứng:**

1. Cao Mộng E, sinh năm 1974;

2. Huỳnh Văn F, sinh năm 1982;

3. Võ Trường G, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

4. Phan Kim H, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Khóm M, thị trấn H, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ngô Hữu T, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn H, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Bà A, bà B, bà C có mặt tại phiên toà, những người làm chứng vắng mặt tại phiên toà.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Vào năm 2014 và năm 2015, bà A có làm chủ 04 dây hụi (ba dây hụi 1.000.000 đồng một tháng mở (khui) 01 lần và một dây hụi 500.000 đồng một tháng mở (khui) 01 lần). Khi đó, bà Nguyễn Thị C có tham gia 07 phần trong 04 dây hụi mà bà A làm chủ. Cụ thể:

Dây thứ nhất: Hụi 1.000.000đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 18-10-2014(âm lịch), gồm có 25 phần hụi. Bà C tham gia 02 phần, lĩnh (hốt) lần đầu tiên, lĩnh hết 02 phần với số tiền là 27.760.000 đồng vào ngày 27-10-2014 (âm lịch). Dây hụi này đã mãn vào ngày 18-10-2016 (âm lịch). Từ khi lĩnh hụi đến khi mãn hụi thì bà C không châu hụi chết cho bà A tổng cộng 11 lần tính từ ngày 18-12-2015 âm lịch đến ngày 18-10-2016 âm lịch, số tiền là 22.000.000 đồng, nên bà A phải châu thay cho bà C số tiền này. Như vậy, đối với dây hụi này bà C còn thiếu bà A 22.000.000đồng và tiền lãi 5.610.000đồng ( $22.000.000\text{đồng} \times 34 \text{ tháng} \times 0,75\%/ \text{tháng} = 5.610.000\text{đồng}$ , tính từ tháng 11-2016 âm lịch đến tháng 09-2019 âm lịch). Tổng cộng bà C còn thiếu số tiền là 27.610.000đồng.

Dây thứ hai: Hụi 500.000đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 09-01-2015 âm lịch, gồm có 23 phần hụi. Bà C có tham gia 02 phần, bà C bỏ hụi vào kỳ mở hụi đầu tiên và lĩnh 02 phần với số tiền là 15.000.000đồng vào ngày 25-01-2015 âm lịch. Dây hụi này mãn vào ngày 09-11-2016 âm lịch. Từ khi lĩnh hụi đến khi mãn hụi thì bà C không châu hụi chết cho bà A tổng cộng 12 lần tính từ ngày 09-12-2015 âm lịch đến ngày 09-11-2016 âm lịch số tiền 12.000.000đồng, nên bà A phải châu thay cho bà C số tiền này. Như vậy, đối với dây hụi này bà C còn thiếu bà A 12.000.000đồng và tiền lãi ( $12.000.000\text{đồng} \times 34 \text{ tháng} \times 0,75\%/ \text{tháng} = 3.060.000\text{đồng}$ , tính từ tháng 11-2016 âm lịch đến tháng 9-2019 âm lịch). Tổng cộng bà C còn thiếu số tiền là 15.060.000đồng.

Dây thứ ba: Hụi 1.000.000đồng/01 tháng, mở hụi vào ngày 09-11-2015 âm lịch, gồm có 31 phần hụi. Bà C tham gia 02 phần, bà C lĩnh hụi lần đầu tiên và lĩnh 02 phần với số tiền là 34.900.000đồng vào ngày 13-11-2015 âm lịch. Dây hụi này mãn vào ngày 09-4-2018 âm lịch. Từ khi lĩnh hụi đến khi mãn hụi thì bà C không

châu hui chết cho bà A tổng cộng số tiền 60.000.000đồng nên bà A phải châu thay cho bà C số tiền này. Như vậy, đối với dây hui này bà C còn thiếu bà A 60.000.000đồng và tiền lãi ( $60.000.000\text{đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng = 7.650.000\text{đồng}$ , tính từ ngày 23-5-2018 âm lịch đến tháng 10-2019 âm lịch). Tổng cộng bà C còn thiếu số tiền là 67.650.000đồng.

Dây thứ tư: hui 1.000.000đồng/01 tháng, mở hui vào ngày 27-3-2015 âm lịch, gồm có 22 phần hui. Bà C tham gia 01 phần, bà C lĩnh hui lần thứ 03 với số tiền là 14.840.000đồng vào ngày 05-7-2015 âm lịch. Dây hui này đã mãn vào ngày 27-12-2016 âm lịch. Từ khi lĩnh hui cho đến khi mãn hui thì bà C không châu hui chết cho bà A tổng cộng 12 với số tiền 12.000.000đồng nên bà A phải châu thay cho bà C số tiền này. Như vậy, đối với dây hui này bà C còn thiếu bà A 12.000.000đồng và tiền lãi là 1.980.000đồng ( $2.000.000\text{đồng} \times 22 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng = 1.980.000\text{đồng}$ , tính từ tháng 01-2017 âm lịch đến tháng 10-2018 âm lịch, khi khởi kiện). Tổng cộng bà C còn thiếu số tiền là 13.980.000đồng. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 09-8-2019 bà A có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hui này.

Như vậy, bà A còn yêu cầu bà C trả tổng tiền hui còn thiếu của 03 dây hui là 94.000.000đồng gốc và tiền lãi tạm tính là 10.595.000đồng (đã trừ vào tiền bà C trả được cho bà A tổng cộng là 5.725.000đồng trong các năm 2016 và 2017). Do đó, bà A yêu cầu tổng cộng gốc và lãi là 104.595.000đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị C trả cho bà A tiền hui còn thiếu.

Ý kiến trình bày của bà Tăng Thị B là trợ giúp viên pháp lý của nguyên đơn Nguyễn Thị A: Thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị C (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D) trình bày:

Qua yêu cầu của bà Nguyễn Thị A, bà C thừa nhận có tham gia hui do bà A làm chủ từ năm 2014 tổng cộng 02 dây gồm 04 phần hui cụ thể là: 02 phần trong dây hui 1.000.000đồng/01 tháng, gồm 25 phần, mở hui vào ngày 18-10-2014 âm lịch và 02 phần trong dây hui 500.000đồng/01 tháng, gồm 23 phần, mở hui vào ngày 09-01-2015 âm lịch. Tất cả 02 dây hui này mãn từ lâu, bà C không nhớ chính xác ngày tháng năm mãn, nhưng khi hết hui xong đã châu đầy đủ cho bà A từng tháng cho đến khi mãn hui, đến nay không còn thiếu lần nào. Nên không thống nhất trả 104.595.000đồng, vì đã châu xong.

Đối với dây hui 1.000.000đồng/01 tháng, mở hui ngày 09-11-2015 âm lịch, gồm có 31 phần hui, bà C cho rằng bà không có tham gia phần nào và không có lĩnh số tiền 34.900.000đồng vào ngày 13-11-2015 âm lịch như bà A trình bày. Bà C cho rằng dây hui này không có thành viên nào tham gia và biên nhận tiền ngày 13-11-2015 là tiền chốt hui chết và tiền lời hui của 02 dây trên mà bà C tham gia còn thiếu của bà A, đến nay bà C đã trả xong tiền nợ hui cho bà A.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị A thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cùng liên đới với bà Nguyễn Thị C trả nợ. Hội đồng xét xử xét

thấy: Việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi này.

Xét yêu cầu còn lại của bà Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà A yêu cầu bà C trả tiền hội đối với dây hội 1.000.000đồng/1 tháng mở ngày 18-10-2014 âm lịch, số tiền là 27.610.000đồng (trong đó gốc là 22.000.000đồng, lãi tạm tính đến tháng 10-2019 là 5.610.000đồng) và dây hội 500.000đồng/1 tháng mở ngày 09-01-2015 âm lịch, số tiền là 15.060.000đồng (trong đó gốc là 12.000.000đồng, lãi tạm tính đến tháng 10-2019 là 3.060.000đồng). Tổng cộng 02 dây là 42.670.000đồng. Bà C thừa nhận là có tham gia 02 dây hội này và cũng thừa nhận là có ký 02 giấy nhận tiền hội ngày 07-10-2015 của dây hội ngày 18-10-2014 âm lịch số tiền nhận là 27.760.000đồng và giấy nhận tiền hội ngày 25-01-2015 của dây hội ngày 09-01-2015 âm lịch số tiền nhận là 15.000.000đồng. Sau khi nhận tiền hội đến khi mãn hội thì bà C cho rằng đã châu hội đầy đủ cho bà A đến nay không còn thiếu lần nào. Tuy nhiên bà C không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bà C đã châu hội đủ số tiền cho bà A đối với 02 dây hội nêu trên, bà C cho rằng các lần châu hội cho bà A không có làm giấy tờ hay lập sổ theo dõi gì và cũng không có ai chứng kiến, chỉ có một mình bà C và bà A biết nhưng bà A cũng không thừa nhận. Nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà C theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, việc bà A yêu cầu bà C trả tiền hội còn thiếu tổng cộng gốc và lãi của 02 dây hội trên là 42.670.000đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với dây hội 1.000.000đồng/01 tháng mở hội vào ngày 09-11-2015 âm lịch, gồm có 31 phần. Bà A yêu cầu bà trả bà C trả tiền hội còn thiếu 67.650.000đồng (trong đó gốc là 60.000.000đồng, lãi tạm tính đến tháng 10-2019 là 7.650.000đồng). Bà C không thống nhất do bà C cho rằng bà không có tham gia dây hội này và dây hội này cũng không có hội viên nào tham gia như bà A nói. Bà A trình bày dây hội này bà không còn giữ danh sách hội mà chỉ còn giữ giấy nhận tiền hội của các hội viên nhưng có những người tham gia dây hội này gồm bà Cao Mộng Loan, bà Phan Kim Hoàng và anh Ngô Hữu Tú đều biết việc bà C có tham gia dây hội này của bà A. Tuy nhiên, những người làm chứng như bà E, bà H và anh T đều khai là có tham gia chơi hội do bà A làm chủ nhưng không nhớ là có chơi chung với bà C dây hội này không, mà chỉ nghe bà A nói là bà C có tham gia dây hội trên. Do đó, lời khai của bà E, bà H và anh T không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Riêng đối với giấy nhận tiền hội ngày 13-11-2015 âm lịch thì bà C không nhớ chữ ký trên giấy nhận tiền có phải của mình hay không nhưng theo Kết luận giám định số 598/KL-KTHS ngày 25-7-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp (theo đơn yêu cầu giám định của bà A) kết luận thì chữ ký trên biên nhận hội này là của bà C và tại phiên tòa bà C thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ hội ngày 13-11-2015 âm lịch là do Bà ký nhưng bà C cho rằng mình không có nhận số tiền 34.900.000đồng mà biên nhận đó là gộp lại tiền hội chết của 02 dây hội trên và

tiền lãi nhưng đến nay bà C đã trả xong cho bà A. Tuy nhiên, bà C không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lý lẽ của Bà nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, việc bà A yêu cầu bà C trả tiền hui còn thiếu tổng cộng gốc và lãi của các dây hui ngày 09-11-2015 âm lịch là 67.650.000đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với số tiền bà C đã trả cho bà A trong các năm 2016 và 2017 là 5.725.000đồng bà A đã khấu trừ qua tiền lãi của 03 dây tổng cộng là 16.320.000đồng – 5.725.000đồng = 10.595.000đồng.

Do đó, việc bà A yêu cầu bà C trả tiền hui còn thiếu 104.595.000đồng (trong đó gốc là 94.000.000đồng và tiền lãi 10.595.000đồng) có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự:

Bà Nguyễn Thị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Nguyễn Thị A thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không đặt vấn đề xử lý.

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 5.229.750đồng (lấy tròn 5.230.000đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí giám định:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền chi phí giám định. Do bà Nguyễn Thị A đã nộp chi phí giám định số tiền 4.500.000đồng theo phiếu thu số 24 ngày 26-7-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Đồng Tháp. Do đó, bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền 4.500.000đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, 138, 229, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 471, 688 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ - CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường.

Áp dụng vào các Điều 28, Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền hụi còn thiếu gốc là 94.000.000đồng và lãi là 10.595.000đồng. Tổng cộng là 104.595.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 5.230.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Nguyễn Thị A thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không đặt vấn đề xử lý.

Ông Nguyễn Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền chi phí giám định. Do bà Nguyễn Thị A đã nộp chi phí giám định số tiền 4.500.000đồng theo phiếu thu số 24 ngày 26-7-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Đồng Tháp. Do đó, bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền 4.500.000đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-11-2019).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thùy Dung**